VĂN BẢN HỢP NHẤT - BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NGHỊ ĐỊNH
Quy định điều kiện, thủ tục cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm

Nghị định số 52/2014/NĐ-CP ngày 23 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định điều kiện, thủ tục cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2014, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 10 năm 2018.

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Bộ luật Lao động ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội,

Chính phủ ban hành Nghị định quy định điều kiện, thủ tục cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm,[1]

---

[1] Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Bộ luật lao động ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật phòng, chống ma túy năm 2000; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật phòng, chống ma túy 2008;

Căn cứ Luật người cao tuổi ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật người khuyết tật ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật việc làm ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật bảo hiểm xã hội ngày 20 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định điều kiện, thủ tục, thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm; quyền và trách nhiệm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm theo quy định tại Khoản 2, Điều 14 của Bộ luật Lao động (sau đây viết tắt là doanh nghiệp).

2. Tổ chức, cá nhân liên quan đến thành lập và hoạt động của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm.

Điều 3. Các hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp

1. Tư vấn cho người lao động và người sử dụng lao động, bao gồm:

a) Tư vấn nghề cho người lao động về lựa chọn nghề, trình độ đào tạo, nơi học phù hợp với khả năng và nguyện vọng;

b) Tư vấn việc làm cho người lao động lựa chọn công việc phù hợp với khả năng và nguyện vọng; kỹ năng thi tuyển; tạo việc làm, tìm việc làm trong và ngoài nước;

c) Tư vấn cho người sử dụng lao động tuyển dụng, quản lý lao động; quản trị và phát triển nguồn nhân lực, sử dụng lao động và phát triển việc làm.

2. Giới thiệu việc làm cho người lao động, cung ứng và tuyển lao động theo yêu cầu của người sử dụng lao động, bao gồm:

a) Giới thiệu người lao động cần tìm việc làm cho người sử dụng lao động cần tuyển lao động;

b) Cung ứng lao động theo yêu cầu của người sử dụng lao động;

c) Cung ứng, giới thiệu lao động cho các đơn vị, doanh nghiệp được cấp phép đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng lao động.

Căn cứ Luật an toàn, vệ sinh lao động ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016;

Căn cứ Pháp lệnh phòng, chống mại dâm ngày 14 tháng 3 năm 2003;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội."

3. Thu thập, phân tích, dự báo và cung ứng thông tin thị trường lao động.

4. Tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực tìm kiếm việc làm và đào tạo kỹ năng, dạy nghề theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện các chương trình, dự án về việc làm.

Điều 4. Quyền hạn của doanh nghiệp trong hoạt động dịch vụ việc làm

1. Ký kết hợp đồng để thực hiện các hoạt động dịch vụ việc làm theo quy định tại Điều 3 Nghị định này.

2. Khai thác thông tin về lao động, việc làm và dạy nghề.

3. Thu phí theo quy định pháp luật về phí.

Điều 5. Trách nhiệm của doanh nghiệp trong hoạt động dịch vụ việc làm

1. Thực hiện đầy đủ các hợp đồng đã giao kết, các cam kết với người lao động và người sử dụng lao động, người học nghề, người được tư vấn, giới thiệu việc làm.

2. Thực hiện đúng các chế độ tài chính, các khoản phải nộp theo quy định của pháp luật và bồi thường các thiệt hại do vi phạm các hợp đồng theo quy định của pháp luật.

3. Theo dõi tình trạng việc làm của người lao động do doanh nghiệp giới thiệu hoặc cung ứng trong thời gian người lao động thực hiện hợp đồng lao động mùa vụ, hợp đồng lao động theo một công việc nhất định có thời hạn dưới 12 tháng. Đối với hợp đồng lao động có thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên thì theo dõi tình trạng việc làm của người lao động trong 12 tháng.

4. Niêm yết công khai Bản sao chứng thực giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm tại trụ sở.

5. Báo cáo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội định kỳ 06 (sáu) tháng, hàng năm hoặc đột xuất về tình hình hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp theo hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Chương II
ĐIỀU KIỆN, THỦ TỤC, THẨM QUYỀN CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ VIỆC LÀM

Điều 6. Giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm

1. Giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm (sau đây viết tắt là giấy phép) do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc Sở Lao động - Thương

binh và Xã hội được Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ủy quyền (sau đây gọi chung là cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm) cấp cho doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và có đủ các điều kiện quy định tại Điều 7 Nghị định này.

Giấy phép theo mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Giấy phép có thời hạn tối đa 05 năm (60 tháng).

Điều 7. Điều kiện cấp giấy phép

1. Có trụ sở theo quy định tại Điều 8 Nghị định này.

2.[2] ***(được bãi bỏ)***

3. Đã thực hiện ký quỹ theo quy định tại Điều 10 Nghị định này.

Điều 8. Điều kiện địa điểm đặt trụ sở, chi nhánh của doanh nghiệp

Địa điểm đặt trụ sở, chi nhánh của doanh nghiệp phải ổn định và có thời hạn từ 03 năm (36 tháng) trở lên; nếu là nhà thuộc sở hữu của người đứng tên đăng ký doanh nghiệp thì trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép phải có giấy tờ hợp lệ, nếu là nhà thuê thì phải có hợp đồng thuê nhà có thời hạn thuê từ 03 năm (36 tháng) trở lên.

Điều 9.[3] ***(được bãi bỏ)***

Điều 10. Ký quỹ và quản lý tiền ký quỹ

1. Tiền ký quỹ được sử dụng để giải quyết các rủi ro và các khoản phải đền bù có thể xảy ra trong quá trình hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp.

2. Doanh nghiệp phải nộp tiền ký quỹ là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) tại ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản giao dịch chính (sau đây viết tắt là ngân hàng).

Doanh nghiệp thực hiện thủ tục nộp tiền ký quỹ theo đúng quy định của ngân hàng và quy định của pháp luật.

Ngân hàng có trách nhiệm xác nhận tiền ký quỹ kinh doanh hoạt động dịch vụ việc làm cho doanh nghiệp.

---

[2] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08 tháng 10 năm 2018.

[3] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08 tháng 10 năm 2018.

3. Doanh nghiệp được hưởng lãi suất từ tiền ký quỹ theo thỏa thuận với ngân hàng.

4. Sau khi thực hiện hết các nghĩa vụ tài chính liên quan đến hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp, doanh nghiệp được hoàn trả tiền ký quỹ trong các trường hợp sau:

a) Có văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm về việc doanh nghiệp không được cấp, cấp lại, gia hạn giấy phép;

b) Có văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm về việc doanh nghiệp nộp lại, bị thu hồi giấy phép.

5. Tiền ký quỹ được rút trong trường hợp nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm xác nhận về việc giải quyết rủi ro hoặc các khoản đền bù xảy ra trong quá trình hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp.

Ngân hàng không được cho doanh nghiệp rút tiền ký quỹ khi chưa có ý kiến bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm.

Điều 11. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép[4]

1. Doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm nộp trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính 01 (một) bộ hồ sơ về cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm. Hồ sơ gồm có:

a) Văn bản đề nghị cấp giấy phép của doanh nghiệp;

b) Bản sao Giấy xác nhận đã thực hiện ký quỹ theo quy định tại Điều 10 Nghị định này;

c) Giấy tờ chứng minh đủ điều kiện về địa điểm theo quy định tại Điều 8 Nghị định này.

2. Trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ 01 (bộ) hồ sơ theo quy định tại Khoản 1 Điều này, cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm cấp giấy phép cho doanh nghiệp. Trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

---

[4] Điều này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 1 Điều 10 Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08 tháng 10 năm 2018.

Điều 12. Thông báo hoạt động dịch vụ việc làm[5]

1. Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày được cấp giấy phép, doanh nghiệp phải thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng về giấy phép, địa điểm, lĩnh vực hoạt động, tài khoản, tên giám đốc, số điện thoại.

2. Trước 10 ngày làm việc, kể từ ngày bắt đầu hoạt động dịch vụ việc làm, doanh nghiệp có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm nơi đặt trụ sở chính về ngày bắt đầu hoạt động.

3. Trường hợp chuyển địa điểm đặt trụ sở, chi nhánh, người đứng đầu doanh nghiệp phải có văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm về địa điểm mới kèm giấy tờ chứng minh tính hợp lệ của địa điểm mới theo quy định tại Điều 8 của Nghị định này trong thời hạn 10 ngày làm việc, trước ngày thực hiện việc chuyển địa điểm.

Điều 13. Cấp lại giấy phép

1. Doanh nghiệp được cấp lại giấy phép khi giấy phép bị mất, bị hư hỏng hoặc thay đổi một trong các nội dung của giấy phép.

2.[7] Doanh nghiệp đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm nộp trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính 01 (một) bộ hồ sơ về cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm. Hồ sơ gồm có:

a) Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép của doanh nghiệp;

b) Giấy phép bị hư hỏng hoặc bản sao các giấy tờ chứng minh việc thay đổi một trong các nội dung của giấy phép.

3.[8] Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đủ (01 bộ) hồ sơ theo quy định tại Khoản 2 Điều này, cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy

---

[5] Điều này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 2 Điều 10 Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08 tháng 10 năm 2018.

[7] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 3 Điều 10 Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08 tháng 10 năm 2018.

[8] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 3 Điều 10 Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08 tháng 10 năm 2018.

phép cấp lại giấy phép cho doanh nghiệp. Trường hợp không cấp lại phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4. Giấy phép được cấp lại có thời hạn không quá thời hạn của giấy phép đã được cấp trước đó.

Điều 14. Gia hạn giấy phép

1.[9] Trong thời hạn 20 ngày làm việc trước ngày giấy phép hết hạn, doanh nghiệp đề nghị gia hạn giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm nộp trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính 01 (một) bộ hồ sơ về cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm. Hồ sơ gồm có:

a) Văn bản đề nghị gia hạn giấy phép của doanh nghiệp;

b) Giấy phép đã hết hạn;

c) Bản sao các giấy tờ chứng minh đủ điều kiện cấp giấy phép quy định tại Điều 7 Nghị định này.

2. Mỗi lần gia hạn không quá 60 tháng.

3.[10] Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được (01 bộ) hồ sơ theo quy định tại Khoản 1 Điều này, cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm gia hạn giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm cho doanh nghiệp. Trường hợp không gia hạn phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 15. Nộp lại, thu hồi giấy phép

1. Doanh nghiệp phải nộp lại giấy phép khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Tự chấm dứt hoạt động;

b) Tự chấm dứt hoạt động dịch vụ việc làm.

2. Doanh nghiệp thuộc các trường hợp sau đây sẽ bị thu hồi giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm:

a) Không bảo đảm một trong các điều kiện tại Điều 7 Nghị định này;

---

[9] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 4 Điều 10 Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08 tháng 10 năm 2018.

[10] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 4 Điều 10 Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08 tháng 10 năm 2018.

b) Không hoạt động dịch vụ việc làm sau 06 tháng kể từ ngày được cấp giấy phép;

c) Bị chấm dứt hoạt động;

d) Bị chấm dứt hoạt động dịch vụ việc làm;

đ) Bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

3. Doanh nghiệp bị thu hồi giấy phép theo quy định tại các điểm a, c và d Khoản 2 Điều này được cấp lại giấy phép sau 01 năm (12 tháng), kể từ ngày quyết định thu hồi giấy phép có hiệu lực, nếu có đủ các điều kiện quy định tại Điều 7 Nghị định này.

Điều 16. Thẩm quyền cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi hoặc nhận lại giấy phép

1. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm có thẩm quyền cấp, cấp lại, gia hạn hoặc thu hồi giấy phép.

2. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm có trách nhiệm nhận giấy phép do doanh nghiệp nộp.

3.[11] Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày cấp, cấp lại, gia hạn hoặc thu hồi giấy phép, cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm phải thông báo bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính

Điều 17. Chi nhánh hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp

1. Doanh nghiệp được thành lập chi nhánh hoạt động dịch vụ việc làm theo quy định của Luật Doanh nghiệp và đủ điều kiện quy định tại Điều 8 Nghị định này.

2.[12] Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày giao nhiệm vụ cho chi nhánh, doanh nghiệp phải thông báo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm nơi đặt trụ sở chi nhánh.

3. Nghĩa vụ của chi nhánh hoạt động dịch vụ việc làm:

a) Niêm yết công khai quyết định của doanh nghiệp giao nhiệm vụ cho chi nhánh hoạt động dịch vụ việc làm và Bản sao chứng thực giấy phép của doanh nghiệp tại trụ sở chi nhánh;

---

[11] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 5 Điều 10 Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08 tháng 10 năm 2018.

[12] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 6 Điều 10 Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08 tháng 10 năm 2018.

b) Báo cáo định kỳ hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nơi đặt trụ sở chi nhánh.

4. Thời hạn hoạt động dịch vụ việc làm của chi nhánh không vượt quá thời hạn giấy phép của doanh nghiệp.

Chương III
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 18. Trách nhiệm của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

1. Thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động dịch vụ việc làm trong phạm vi cả nước.

2. Hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra việc thành lập và hoạt động của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm.

3. Tổng hợp và báo cáo Chính phủ về tình hình hoạt động của các doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm.

Điều 19. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn về phí dịch vụ việc làm theo quy định của pháp luật về phí.

Điều 20. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Chỉ đạo việc theo dõi, kiểm tra, thanh tra hoạt động của các doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm trên địa bàn.

2. Cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi hoặc nhận lại giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm hoặc ủy quyền cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi hoặc nhận lại giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp.

3. Khen thưởng và xử lý các vi phạm theo quy định của pháp luật.

4. Báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về tình hình thành lập và hoạt động của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý định kỳ 06 (sáu) tháng, hàng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu.

Điều 21. Quy định chuyển tiếp

1. Doanh nghiệp đã được cấp giấy phép hoạt động giới thiệu việc làm trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được hoạt động cho đến hết thời hạn của giấy phép được cấp.

2. Doanh nghiệp đã nộp đủ hồ sơ cấp giấy phép theo đúng quy định tại Nghị định số 19/2005/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2005 của Chính phủ quy định điều kiện, thủ tục thành lập và hoạt động của tổ chức giới thiệu việc làm và Nghị định số 71/2008/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 19/2005/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2005 của Chính phủ quy định điều kiện, thủ tục thành lập và hoạt động của tổ chức giới thiệu việc làm trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì được cấp giấy phép.

3. Doanh nghiệp có giấy phép hoạt động giới thiệu việc làm hết thời hạn kể từ ngày 20 tháng 01 năm 2014 đến ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì doanh nghiệp tiếp tục hoạt động dịch vụ việc làm đến ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

Điều 22. Hiệu lực thi hành[13]

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2014.

Điều 23. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, người đứng đầu cơ quan do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Số: 4947/VBHN-BLĐTBXH

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 22 tháng 11 năm 2018

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Doãn Mậu Diệp

---

[13] Điều 19 của Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 10 năm 2018 quy định như sau:

"**Điều 19. Hiệu lực thi hành và thực hiện**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm hướng dẫn và thi hành Nghị định này./"

Phụ lục

MẪU GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ VIỆC LÀM

(Ban hành kèm theo Nghị định số 52/2014/NĐ-CP ngày 23 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ)

CƠ QUAN NHÀ NƯỚC CÓ THẨM QUYỀN CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ VIỆC LÀM	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../.....-GP	*....., ngày..... tháng..... năm.....*

GIẤY PHÉP
HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ VIỆC LÀM

NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN NHÀ NƯỚC CÓ THẨM QUYỀN CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ VIỆC LÀM

Căn cứ Bộ luật lao động ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số.../..../NĐ-CP ngày.../.../... của Chính phủ quy định điều kiện, thủ tục cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm;

Xét đề nghị của (tên doanh nghiệp).....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép (tên doanh nghiệp).....

Tên giao dịch:.....

Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:.....

Ngày cấp:..... nơi cấp:.....

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Điện thoại:..... Fax:..... Email.....

được hoạt động dịch vụ việc làm.

Điều 2. (Tên doanh nghiệp)..... có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về lao động, việc làm.

Điều 3. Thời hạn của giấy phép: Từ ngày... tháng... năm... đến ngày... tháng... năm...

	QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ *(Chữ ký, dấu)*
Nơi nhận: - ....., - ....., - Lưu: VT,....	**Họ và tên**

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng